

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 14-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Ông Trần Hữu Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 485/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 254/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T

Trụ sở: Số 213 Lê Thánh Tôn, phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc H**; Địa chỉ: 52-54 B, phường T, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quang C**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: 156/75 Chiến Lược, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 10/UQ-GĐ ngày 02/7/2020). (vắng mặt – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 14/15 ấp 3, xã T, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: 14/15 ấp 3, xã T, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T có ông Nguyễn Quang C là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27/11/2015, Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã T (gọi tắt là Quỹ CCM) – Chi nhánh Bình Chánh đã ký hợp đồng liên kết số 045/2015/HĐLK-BC với Tổ hợp tác số 3A xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để làm Cấp liên nhiệm cho Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã – Chi nhánh Bình Chánh. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, mua bán nhỏ,... theo sự giới thiệu và đề nghị của Cấp liên nhiệm. Thông qua Hợp đồng liên kết, Quỹ CCM – Chi nhánh Bình Chánh đã tiến hành trợ vốn cho 21 thành viên vào ngày 15/11/2018, phương thức trợ vốn: góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn: 12 tháng, phí trợ vốn: 0,65%/tháng (phí này dùng trang trải chi phí hoạt động nội bộ của Quỹ CCM, phí hoa hồng cho Cấp liên nhiệm: 0,15/tháng (phí này để Cấp liên nhiệm trang trải các chi phí phục vụ cho quá trình thu hồi vốn phí, tiết kiệm cho Quỹ CCM), tiết kiệm bắt buộc là: 1,0%/tháng (khoản tiết kiệm này được hoàn trả cho thành viên xin trợ vốn khi hoàn tất hợp đồng vay vốn và Quỹ CCM không trả lãi tiết kiệm trên số dư tiết kiệm này).

Trong đợt trợ vốn ngày 15/11/2018, bà Nguyễn Thị Đ đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Theo kế hoạch thì bà phải góp hàng tháng là 1.600.000 đồng trong 11 tháng đầu, tháng cuối góp 640.000 đồng và góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 15/11/2019.

Sau khi nhận trợ vốn từ Quỹ CCM, bà Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả vốn, phí theo kế hoạch ban đầu. Vì vậy, Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ có trả tiền vốn và tiền lãi cho Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T. Tính đến ngày 22/12/2021, bà Đ còn nợ Quỹ CCM tổng số tiền là 2.540.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền vốn: 1.584.000 đồng; nợ lãi (phí) còn lại: 956.000 đồng. Mặc dù Quỹ CCM đã nhiều lần liên hệ bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn N để yêu cầu hoàn trả vốn, phí cho Quỹ CCM nhưng bà Đ và ông N trốn tránh, không có thiện chí hoàn trả vốn, phí cho Quỹ CCM. Do đó, Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T với tổng số tiền là 2.540.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền vốn: 1.584.000 đồng; nợ lãi (phí) còn lại: 956.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị Đ

thanh toán xong nợ. Trường hợp bà Nguyễn Thị Đ không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Nguyễn Văn N phải trả nợ thay cho bà Đ các khoản nợ nêu trên. Ngoài ra Quỹ CCM không yêu cầu bà Đ trả lãi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Đ và ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Đ thanh toán tiền nợ vay theo đơn đề nghị trợ vốn, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2019. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn N đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhưng bà Đ, ông N không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, bà Đ và ông N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản

2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2] Về hình thức hợp đồng: Căn cứ Đơn xin trợ vốn (không ghi ngày tháng năm), Tờ trình xét duyệt trợ vốn ngày 12/11/2018 và Danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn ngày 12/11/2018 thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn có bản chất là hợp đồng vay tài sản có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T là tổ chức có tư cách pháp nhân có đại diện hợp pháp xét duyệt trợ vốn và bà Nguyễn Thị Đẹp là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện đề nghị giao kết hợp đồng do đó hợp đồng này có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh tổng số tiền là 2.540.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền vốn là 1.584.000 đồng; nợ lãi (phí) là 956.000 đồng và khoản lãi phát sinh sẽ tính đến thời điểm bà Nguyễn Thị Đ thanh toán xong nợ. Trường hợp bà Nguyễn Thị Đ không có khả năng trả nợ thì đề nghị ông Nguyễn Văn N phải trả nợ thay cho bà Đ các khoản nợ nêu trên.

[4.3] Căn cứ Đơn đề nghị trợ vốn (không ghi ngày tháng năm) thể hiện bà Đẹp có nhu cầu vay vốn là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), thời hạn 12 tháng, phí: 0,65%/tháng, tiết kiệm: 01%/tháng, mục đích đề nghị trợ vốn: kinh tế phụ gia đình.

[4.4] Căn cứ Danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn, đợt trợ vốn ngày 15/11/2018 (số thứ tự 04) có chữ ký của bà Đ. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Đ có vay tiền của Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã T với số tiền gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

[4.5] Tuy nhiên, sau khi nhận vốn từ Quỹ CCM thì bà Đ thanh toán không đầy đủ tiền vốn và tiền lãi cho Quỹ CCM. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà Đ làm đơn đề nghị Quỹ CCM trợ vốn và đồng ý với các thỏa thuận, cam kết trong đơn đề nghị trợ vốn nhưng sau khi nhận vốn thì bà Đ không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ CCM là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T số tiền nợ gốc là 1.584.000 đồng và tiền lãi (phí) là 956.000 đồng. Tổng cộng bà Đ phải thanh

toán cho Quỹ trợ vốn Xã viên – Hợp tác xã T số tiền là 2.540.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

[4.6] Về yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N phải trả nợ thay cho bà Đ trong trường hợp bà Đ không có khả năng trả nợ cho Quỹ CCM. Căn cứ vào Đơn đề nghị trợ vốn (không ghi ngày tháng năm) của bà Đ có nội dung như sau: *“Người có nghĩa vụ trả thay (nếu tôi không trả được) là ông bà Nguyễn Văn Nhỏ, số CMND:021195022, Địa chỉ: 14/15 ấp 3, xã Tân Quý Tây, Quan hệ với người xin trợ vốn: chồng”*. Trong đơn đề nghị trợ vốn có chữ ký xác nhận của ông Nhỏ tại phần người có nghĩa vụ trả thay.

[4.7] Căn cứ vào các Điều 335, 336, 339 và 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn N sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (bà Đ) nếu khi đến hạn thanh toán mà bà Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ CCM. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của Quỹ CCM.

[4.8] Đại diện nguyên đơn xác định Quỹ CCM không yêu cầu bà Đ thanh toán lãi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã Thành phố Hồ Chí Minh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 73, Điều 91, Điều 177, Điều 178, điểm e khoản Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 40, 335, 336, 339, 342, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã T số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 2.540.000 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 1.584.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) và tiền lãi là 956.000 đồng (chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã T về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lãi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã T cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ nêu trên thì ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Quỹ trợ vốn xã viên – Hợp tác xã T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0080268 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Việt

